

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

*cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014
đã được kiểm toán*

MỤC LỤC

	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	2 – 3
Báo cáo kiểm toán độc lập	4 – 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 – 27
Bảng cân đối kế toán	6 – 9
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	10
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	11 – 12
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính	13 – 27



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần VINAM (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày Báo cáo này cùng với Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được kiểm toán bởi các kiểm toán viên độc lập.

KHÁI QUÁT VỀ CÔNG TY

Công ty Cổ phần VINAM được thành lập và hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103015917 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 14 tháng 02 năm 2007. Ngày 14 tháng 4 năm 2011, Công ty chuyển đổi số Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thành Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0102174005 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp. Trong quá trình hoạt động, Công ty được cấp các Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp thay đổi từ lần thứ 01 đến lần thứ 07.

Vốn điều lệ hiện nay của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp là 32.500.000.000 đồng.

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình điện năng.

Trụ sở chính của Công ty đặt tại số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội.

TÌNH HÌNH TÀI CHÍNH VÀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Tình hình tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và kết quả hoạt động kinh doanh cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Công ty được trình bày trong Báo cáo tài chính đính kèm báo cáo này (từ trang 06 đến trang 27).

CÁC SỰ KIỆN PHÁT SINH SAU NGÀY KẾT THỨC NĂM TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Nguyễn Văn Anh	Chủ tịch
Ông Phạm Thế Anh	Ủy viên
Ông Đào Văn Hùng	Ủy viên
Ông Lại Thế Vĩnh	Ủy viên
Ông Phan Tuấn Sơn	Ủy viên

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Báo cáo của Ban Giám đốc (tiếp theo)

BAN GIÁM ĐỐC VÀ KẾ TOÁN TRƯỞNG

Các thành viên của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng trong năm và đến thời điểm lập báo cáo này gồm:

Ông Phạm Thế Anh	Giám đốc
Ông Nguyễn Tiến Sỹ	Phó Giám đốc
Ông Nguyễn Văn Sáng	Kế toán trưởng

KIỂM TOÁN VIÊN

Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt (AASCN) đã kiểm toán Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014.

CÔNG BỐ TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc Công ty cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Công bố các chuẩn mực kế toán phải tuân theo trong các vấn đề trọng yếu được công bố và giải trình trong Báo cáo tài chính;
- Lập và trình bày Báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán và các quy định hiện hành có liên quan;
- Lập Báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các sổ kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước, đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

TM. Ban Giám đốc
Giám đốc



Phạm Thế Anh

Số : 107./2015/BCKT-AASCN

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần VINAM, được lập ngày 27 tháng 3 năm 2015, từ trang 06 đến trang 27, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Headquarters

29 Hoang Sa Str., Dist. 1, Hochiminh City
Tel: (84-08) 3910 4881 *Fax: (84-08) 3910 4880
Email: infohcm@aascn.com.vn Web: www.aascn.com.vn

4

Branch in Hanoi

No15, Alley 640, Lang Road, Dong Da Dist., Hanoi
Tel: (84-04) 3793 1428 *Fax: (84-04) 3793 1429
Email: admin@namviethn.vn

346
HÁI
FY 1
JTU
HKÉ
MT
VI
T

Báo cáo kiểm toán độc lập (tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần VINAM tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần VINAM cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi kiểm toán viên và doanh nghiệp kiểm toán khác, kiểm toán viên này đã đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần đối với Báo cáo tài chính này tại ngày 29 tháng 3 năm 2014.

**Chi nhánh Công ty TNHH Dịch vụ Tư vấn
Tài chính Kế toán và Kiểm toán Nam Việt**

Giám đốc



Bùi Ngọc Vương

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0941-2013-152-1

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Kiểm toán viên

Bùi Ngọc Hà

Số Giấy CN ĐKHN kiểm toán: 0662-2013-152-1

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		5.225.036.738	10.897.528.468
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110		6.638.469	91.078.964
1.	Tiền	111	V.01	6.638.469	91.078.964
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.02	307.032	307.032
1.	Đầu tư ngắn hạn	121		307.032	307.032
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn (*)	129		-	-
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		2.456.507.746	7.398.836.412
1.	Phải thu khách hàng	131		4.016.651.062	4.334.250.099
2.	Trả trước cho người bán	132		834.058.371	854.058.371
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.03	880.822.403	2.845.715.553
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi (*)	139	V.04	(3.275.024.090)	(635.187.611)
IV.	Hàng tồn kho	140		-	-
1.	Hàng tồn kho	141	V.05	-	519.085.400
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	149	V.06	-	(519.085.400)
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		2.761.583.491	3.407.306.060
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151		-	8.850.000
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		-	514.872.569
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154		-	-
4.	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.07	2.761.583.491	2.883.583.491

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B.	TÀI SẢN DÀI HẠN	200		21.995.059.822	19.966.347.571
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		4.720.220.135	4.770.220.135
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211		4.720.220.135	4.770.220.135
2.	Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	212		-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213		-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218		-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi (*)	219		-	-
II.	Tài sản cố định	220		404.295.687	825.583.436
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.08	154.295.687	575.583.436
	- Nguyên giá	222		669.994.286	1.548.134.759
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	223		(515.698.599)	(972.551.323)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224		-	-
	- Nguyên giá	225		-	-
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	226		-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.09	250.000.000	250.000.000
	- Nguyên giá	228		250.000.000	250.000.000
	- Giá trị hao mòn lũy kế (*)	229		-	-
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230		-	-
III.	Bất động sản đầu tư	240		-	-
1.	Nguyên giá	241		-	-
2.	Giá trị hao mòn lũy kế (*)	242		-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		16.870.544.000	14.370.544.000
1.	Đầu tư vào công ty con	251		-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.10	11.370.544.000	11.370.544.000
3.	Đầu tư dài hạn khác	258	V.11	5.500.000.000	3.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn (*)	259		-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		-	-
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261		-	-
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262		-	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268		-	-
	TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		27.220.096.560	30.863.876.039

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A.	NỢ PHẢI TRẢ	300		4.775.051.945	6.019.177.346
I.	Nợ ngắn hạn	310		4.775.051.945	6.019.177.346
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.12	1.331.365.493	1.381.365.493
2.	Phải trả người bán	312		523.057.327	543.057.327
3.	Người mua trả tiền trước	313		-	-
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.13	2.600.323.464	2.088.069.175
5.	Phải trả người lao động	315		-	-
6.	Chi phí phải trả	316		-	-
7.	Phải trả nội bộ	317		-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318		-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.14	275.212.705	1.961.592.395
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	-
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		45.092.956	45.092.956
II.	Nợ dài hạn	330		-	-
1.	Phải trả dài hạn người bán	331		-	-
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332		-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333		-	-
4.	Vay và nợ dài hạn	334		-	-
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335		-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336		-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337		-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338		-	-
B.	VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		22.445.044.615	24.844.698.693
I.	Vốn chủ sở hữu	410	V.15	22.445.044.615	24.844.698.693
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		32.500.000.000	32.500.000.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		2.600.000.000	2.600.000.000
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413		-	-
4.	Cổ phiếu quỹ (*)	414		-	-
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415		-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416		-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		130.600.397	130.600.397
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		65.300.198	65.300.198
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419		-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		(12.850.855.980)	(10.451.201.902)
II.	Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		27.220.096.560	30.863.876.039

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

STT	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
1.	Tài sản thuê ngoài		-	-
2.	Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-	-
3.	Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-	-
4.	Nợ khó đòi đã xử lý		-	-
5.	Ngoại tệ các loại		-	-
6.	Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-	-

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

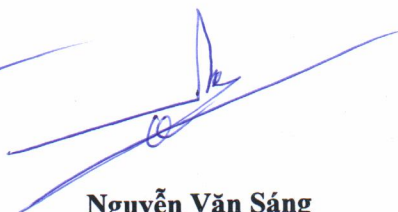
Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Nguyễn Văn Sáng



Phạm Thế Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.01	-	880.090.910
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02		-	-
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		-	880.090.910
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.02	(519.085.400)	734.179.030
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		519.085.400	145.911.880
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.03	74.760.920	777.354
7.	Chi phí tài chính	22	VI.04	-	111.289.541
	<i>Trong đó: Chi phí lãi vay</i>	23		-	-
8.	Chi phí bán hàng	24		-	-
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		3.143.951.100	1.287.432.403
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		(2.550.104.780)	(1.252.032.710)
11.	Thu nhập khác	31	VI.05	950.942.114	6.403.640.214
12.	Chi phí khác	32	VI.06	800.491.412	19.706.234.664
13.	Lợi nhuận khác	40		150.450.702	(13.302.594.450)
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		(2.399.654.078)	(14.554.627.160)
15.	Chi phí thuế TNDN hiện hành	51		-	-
16.	Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
17.	Lợi nhuận sau thuế TNDN	60		(2.399.654.078)	(14.554.627.160)
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.07	(738)	(4.478)

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Nguyễn Văn Sáng



Phạm Thế Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

(Theo phương pháp trực tiếp)

Năm 2014

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
I.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1.	Tiền thu từ bán hàng, cung cấp dịch vụ và doanh thu khác	01		632.499.037	4.290.238.281
2.	Tiền chi trả cho người cung cấp hàng hóa và dịch vụ	02		(69.740.300)	(1.465.956.300)
3.	Tiền chi trả cho người lao động	03		(252.001.818)	(252.330.000)
4.	Tiền chi trả lãi vay	04		-	(111.289.543)
5.	Tiền chi nộp thuế TNDN	05		-	-
6.	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	06		587.000.000	4.018.346.355
7.	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	07		(933.000.000)	(700.230.000)
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(35.243.081)	5.778.778.793
II.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các TS dài hạn khác	21		-	-
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các TS dài hạn khác	22		-	(2.500.000.000)
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		-	-
5.	Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		802.586	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		802.586	(2.500.000.000)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

STT	CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
III.	Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1.	Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2.	Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3.	Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33		-	735.791.000
4.	Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(50.000.000)	(3.070.575.000)
5.	Tiền chi trả nợ thuê tài chính	35		-	(928.440.642)
6.	Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(50.000.000)	(3.263.224.642)
	Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50		(84.440.495)	15.554.151
	Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		91.078.964	75.524.813
	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
	Tiền và tương đương tiền cuối năm	70		6.638.469	91.078.964

Hà Nội, ngày 27 tháng 3 năm 2015

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Giám đốc



Nguyễn Thị Linh



Nguyễn Văn Sáng



Phạm Thế Anh

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM 2014

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP

01. Hình thức sở hữu vốn

Là Công ty cổ phần.

02. Lĩnh vực kinh doanh

Xây dựng, dịch vụ.

03. Ngành nghề kinh doanh

Các ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp bao gồm:

- Lập hồ sơ dự thầu, phân tích, đánh giá hồ sơ dự thầu, thẩm tra thiết kế kỹ thuật, kỹ thuật thi công các dự án xây dựng;
- Lập, báo cáo nghiên cứu khả thi, báo cáo tiền khả thi và báo cáo đầu tư các dự án;
- Lập, quản lý và tổ chức thực hiện các dự án đầu tư xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng, cấp thoát nước, công trình điện đến 35 KV;
- Tư vấn đầu tư cho các nhà đầu tư trong và ngoài nước;
- Vận chuyển hành khách theo đường bộ;
- Kinh doanh xuất nhập khẩu;
- Kinh doanh vật liệu xây dựng; thiết bị phục vụ ngành xây dựng;
- Xây dựng các công trình dân dụng;
- Xây dựng các công trình điện năng.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

01. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc tại ngày 31 tháng 12 hàng năm.

02. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính, các chuẩn mực kế toán Việt Nam do Bộ Tài chính ban hành và các văn bản sửa đổi, bổ sung, hướng dẫn thực hiện kèm theo.

02. Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Báo cáo tài chính được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

03. Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán nhật ký chung.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

01. Nguyên tắc ghi nhận các khoản tiền và các khoản tương đương tiền

Các khoản tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 03 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó.

02. Nguyên tắc ghi nhận hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

03. Nguyên tắc ghi nhận và khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá, giá trị hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao được xác định phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính, cụ thể như sau:

- Máy móc, thiết bị	6 – 10 năm
- Phương tiện vận tải, truyền dẫn	10 năm
- Thiết bị dụng cụ, quản lý	05 năm
- Quyền sử dụng đất lâu dài	Không trích khấu hao

04. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Khoản đầu tư vào công ty liên kết được kế toán theo phương pháp giá gốc. Lợi nhuận thuần được chia từ công ty liên kết phát sinh sau ngày đầu tư được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Các khoản được chia khác (ngoài lợi nhuận thuần) được coi là phần thu hồi các khoản đầu tư và được ghi nhận là khoản giảm trừ giá gốc đầu tư.

05. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**06. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu*****Doanh thu cung cấp dịch vụ***

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp việc cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- Xác định được phần công việc đã hoàn thành vào ngày lập Bảng cân đối kế toán;

Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời hai (02) điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

07. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Khoản chi phí được ghi nhận vào chi phí tài chính là chi phí đi vay vốn.

Các khoản trên được ghi nhận theo tổng số phát sinh trong năm, không bù trừ với doanh thu hoạt động tài chính.

08. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: VND

01. Tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
- Tiền mặt	1.460.894	4.090.612
- Tiền gửi ngân hàng	5.177.575	86.988.352
Cộng	6.638.469	91.078.964

02. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
a. Đầu tư ngắn hạn	10	307.032	10	307.032
- Cổ phiếu đầu tư ngắn hạn	10	307.032	10	307.032
Công ty Cổ phần vàng bạc đá quý Phú Nhuận	10	307.032	10	307.032
- Đầu tư ngắn hạn khác		-		-
Cộng		307.032		307.032

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Các khoản phải thu khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Phải thu khác	880.822.403	2.845.715.553
+ Trường Trung cấp KTKTCN Hòa Bình	165.000.000	-
+ Công ty CP Đầu tư và Phát triển Năng lượng VN	100.000.000	-
+ Công ty CP Solavina	200.000.000	-
+ Ông Phạm Văn Minh	-	2.500.000.000
+ Lãi dự thu tiền cho vay	73.958.334	-
+ Khác	341.864.069	345.715.553
Cộng	<u>880.822.403</u>	<u>2.845.715.553</u>

04. Dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Dự phòng phải thu khách hàng	(2.102.496.650)	-
Dự phòng phải thu khác	(338.469.069)	(173.661.775)
Dự phòng trả trước cho người bán	(834.058.371)	(461.525.836)
Cộng	<u>(3.275.024.090)</u>	<u>(635.187.611)</u>

05. Hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	-	519.085.400
Cộng giá gốc của hàng tồn kho	<u>-</u>	<u>519.085.400</u>

06. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Nguyên liệu, vật liệu	-	(519.085.400)
Cộng	<u>-</u>	<u>(519.085.400)</u>

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Số đầu năm	<u>(519.085.400)</u>	<u>(519.085.400)</u>
Trích lập dự phòng bổ sung	-	-
Hoàn nhập dự phòng	519.085.400	-
Số cuối năm	<u>-</u>	<u>(519.085.400)</u>

07. Tài sản ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tạm ứng	2.761.583.491	2.883.583.491
+ Ông Nguyễn Văn Sáng	2.318.302.629	2.440.302.629
+ Ông Phạm Đình Tuấn	318.291.826	318.291.826
+ Ông Nguyễn Quang Trung	98.414.000	98.414.000
+ Các đối tượng khác	26.575.036	26.575.036
Cộng	<u>2.761.583.491</u>	<u>2.883.583.491</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAMSố 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Khoản mục	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị dụng cụ quản lý	Tổng cộng
I. Nguyên giá				
Số dư đầu năm	669.994.286	838.523.200	39.617.273	1.548.134.759
- Mua trong năm	-	-	-	-
- Đầu tư XDCB hoàn thành	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(838.523.200)	-	(838.523.200)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	-	(39.617.273)	(39.617.273)
Số dư cuối năm	669.994.286	-	-	669.994.286
II. Giá trị hao mòn lũy kế				
Số dư đầu năm	418.794.651	531.064.668	22.692.004	972.551.323
- Khấu hao trong năm	96.903.948	39.364.004	2.483.510	138.751.462
- Tăng khác	-	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	(570.428.672)	-	(570.428.672)
- Giảm theo TT45/2013/TT-BTC	-	-	(25.175.514)	(25.175.514)
Số dư cuối năm	515.698.599	-	-	515.698.599
III. Giá trị còn lại				
1. Tại ngày đầu năm	251.199.635	307.458.532	16.925.269	575.583.436
2. Tại ngày cuối năm	154.295.687	-	-	154.295.687

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

09. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Tài sản cố định vô hình khác	Tổng cộng
I. Nguyên giá			
Số dư đầu năm	250.000.000	-	250.000.000
- Mua trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	250.000.000	-	250.000.000
II. Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	-	-	-
- Khấu hao trong năm	-	-	-
- Thanh lý, nhượng bán	-	-	-
- Giảm khác	-	-	-
Số dư cuối năm	-	-	-
III. Giá trị còn lại			
1. Tại ngày đầu năm	250.000.000	-	250.000.000
2. Tại ngày cuối năm	250.000.000	-	250.000.000

Giá trị quyền sử dụng đất là chi phí để có quyền sử dụng ngôi nhà và thửa đất có ngôi nhà tại Hồng Hậu, phường Phú Thịnh, thị xã Sơn Tây, Hà Nội theo Hợp đồng chuyển nhượng tài sản ngày 16 tháng 09 năm 2010.

10. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu ^(a)	1.137.054	11.370.544.000	1.137.054	11.370.544.000
Cộng	1.137.054	11.370.544.000	1.137.054	11.370.544.000

(a) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần 04 số 6200008039 ngày 28 tháng 02 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Lai Châu cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Đầu tư Tài nguyên và Năng lượng Lai Châu là 15.000.000.000 VND, tương đương 20% vốn điều lệ. Vốn Công ty góp thiếu theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 3.629.456.000 VND.

11. Đầu tư dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hợp tác đầu tư	3.000.000.000	3.000.000.000
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam (*)	3.000.000.000	3.000.000.000
Cho vay dài hạn	2.500.000.000	-
Cho ông Phạm Văn Minh vay (**)	2.500.000.000	-
Cộng	5.500.000.000	3.000.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

(*): Theo Hợp đồng hợp tác đầu tư số 02A/2009/HĐHTĐT-VPC ngày 06/4/2009 và các Phụ lục hợp đồng hợp tác đầu tư bổ sung giữa Công ty Cổ phần VINAM và Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam về việc hợp tác đầu tư dự án Trường Trung cấp nghề Kinh tế - Kỹ thuật Công nghiệp Hòa Bình.

(**): Cho ông Phạm Văn Minh vay theo Hợp đồng cho vay vốn số 02/HĐ-2014 ngày 30/01/2014 và Phụ lục Hợp đồng vay ngắn hạn số 01/PLHĐ ngày 30 tháng 5 năm 2014 số tiền 2.500.000.000 đồng, thời hạn vay 36 tháng kể từ ngày 30 tháng 01 năm 2014 với lãi suất từ ngày 31 tháng 01 năm 2014 đến 29/5/2014 là 5%/năm, lãi suất từ ngày 30/5/2014 đến ngày 31/12/2014 là 0%/năm.

12. Vay và nợ ngắn hạn

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Vay ngắn hạn	1.331.365.493	1.381.365.493
- Vay ngân hàng	-	-
- Vay đối tượng khác	1.331.365.493	1.381.365.493
+ Ông Lê Xuân Tuân (*)	331.365.493	381.365.493
+ Bà Nguyễn Thị Hương (*)	500.000.000	500.000.000
+ Bà Nguyễn Thị Kiều Oanh (*)	500.000.000	500.000.000
Nợ dài hạn đến hạn trả	-	-
Cộng	1.331.365.493	1.381.365.493

(*) Các khoản cho vay cá nhân với lãi suất 0%/năm. Các khoản vay này không có tài sản đảm bảo.

13. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Thuế giá trị gia tăng bán ra trong nước	512.254.289	-
- Thuế thu nhập doanh nghiệp	2.077.231.110	2.077.231.110
- Thuế thu nhập cá nhân	10.838.065	10.838.065
Cộng	2.600.323.464	2.088.069.175

14. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Tài sản thừa chờ giải quyết	-	710.033.023
- Bảo hiểm xã hội	113.731.346	87.211.346
- Bảo hiểm y tế	20.360.119	15.770.119
- Bảo hiểm thất nghiệp	3.095.585	3.095.585
- Các khoản phải trả, phải nộp khác	138.025.655	1.145.482.322
+ Thuế GTGT tạm tính	-	1.007.456.667
+ Phải trả khác	138.025.655	138.025.655
Cộng	275.212.705	1.961.592.395

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

15. Vốn chủ sở hữu**a. Bảng đối chiếu biến động của Vốn chủ sở hữu**

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự phòng tài chính	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
Số dư đầu năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	130.600.397	65.300.198	4.103.425.258	39.399.325.853
Tăng vốn trong năm trước	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm trước	-	-	-	-	(14.554.627.160)	(14.554.627.160)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận năm trước	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm trước	32.500.000.000	2.600.000.000	130.600.397	65.300.198	(10.451.201.902)	24.844.698.693
Số dư đầu năm nay	32.500.000.000	2.600.000.000	130.600.397	65.300.198	(10.451.201.902)	24.844.698.693
Tăng vốn trong năm	-	-	-	-	-	-
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	(2.399.654.078)	(2.399.654.078)
Tăng khác	-	-	-	-	-	-
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	-	-	-
Giảm khác	-	-	-	-	-	-
Số dư cuối năm này	32.500.000.000	2.600.000.000	130.600.397	65.300.198	(12.850.855.980)	22.445.044.615

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

b. Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Vốn góp của Nhà nước	-	-
- Vốn góp của các đối tượng khác	32.500.000.000	32.500.000.000
Cộng	<u>32.500.000.000</u>	<u>32.500.000.000</u>

c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	32.500.000.000	32.500.000.000
+ Vốn góp tăng trong năm	-	-
+ Vốn góp giảm trong năm	-	-
+ Vốn góp cuối năm	32.500.000.000	32.500.000.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia	-	-

d. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
- Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	3.250.000	3.250.000
- Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
- Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	3.250.000	3.250.000
+ <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

* Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 đồng/cổ phiếu.

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Đơn vị tính: VND

01. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Doanh thu cung cấp dịch vụ	-	880.090.910
Cộng	<u>-</u>	<u>880.090.910</u>

02. Giá vốn hàng bán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Giá vốn của dịch vụ đã cung cấp	-	734.179.030
- Hoàn nhập dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(519.085.400)	-
Cộng	<u>(519.085.400)</u>	<u>734.179.030</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền gửi, tiền cho vay	74.728.920	777.354
- Cổ tức, lợi nhuận được chia	32.000	-
Cộng	74.760.920	777.354

04. Chi phí tài chính

	Năm nay	Năm trước
- Lãi tiền vay	-	-
- Lãi thuê tài chính	-	111.289.541
Cộng	-	111.289.541

05. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
- Thu thanh lý tài sản cố định	240.909.091	3.979.825.269
- Thu từ chuyển quyền sử dụng tài sản thuê tài chính	-	2.421.144.708
- Thu nhập khác	710.033.023	2.670.237
Cộng	950.942.114	6.403.640.214

06. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
- Giá trị còn lại của tài sản thanh lý	268.094.528	13.769.945.546
- Giá trị còn lại của tài sản thuê tài chính	-	5.171.184.619
- Chi phí khác	532.396.884	765.104.499
Cộng	800.491.412	19.706.234.664

07. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
- Lợi nhuận kế toán sau thuế TNDN	(2.399.654.078)	(14.554.627.160)
- Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu CP phổ thông	-	-
- Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	(2.399.654.078)	(14.554.627.160)
- Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	3.250.000	3.250.000
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	(738)	(4.478)

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

08. Chi phí sản xuất, kinh doanh theo yếu tố

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
- Chi phí nhân công	-	
- Chi phí nhân công	261.181.818	
- Chi phí khấu hao tài sản cố định	138.751.462	Không áp dụng
- Chi phí dịch vụ mua ngoài	64.207.182	
- Chi phí khác bằng tiền	2.160.725.238	
Cộng	<u>2.624.865.700</u>	

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**01. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ và các khoản tiền do doanh nghiệp nắm giữ nhưng không được sử dụng**

	<u>Năm nay</u>
- Chuyển khoản phải thu khác thành khoản cho vay dài hạn	2.500.000.000
- Thanh lý tài sản chưa thu bằng tiền	265.000.000

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC**01. Giao dịch với các bên liên quan*****Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan***

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc và Kế toán trưởng và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
Kế toán trưởng		
- Thu tiền hoàn tạm ứng	122.000.000	-

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Kế toán trưởng		
- Phải thu tiền tạm ứng	2.318.302.629	2.440.302.629
Cộng nợ phải thu	<u>2.318.302.629</u>	<u>2.440.302.629</u>

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	<u>Năm nay</u>
- Tiền lương, phụ cấp	109.638.191
Cộng	<u>109.638.191</u>

Giao dịch với các bên liên quan khác

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng Lượng Việt Nam	Công ty có cùng thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Solavina	Công ty có cùng thành viên HĐQT

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

Các nghiệp vụ phát sinh trong năm giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam</i>		
Cho vay không tính lãi	265.000.000	-
<i>Công ty Cổ phần Solavina</i>		
Cho vay không tính lãi	400.000.000	-
Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
<i>Công ty Cổ phần Đầu tư và Phát triển Năng lượng Việt Nam</i>		
Các khoản phải thu khác	100.000.000	-
Hợp tác kinh doanh	3.000.000.000	3.000.000.000
<i>Công ty Cổ phần Solavina</i>		
Phải thu khác	200.000.000	-
Cộng nợ phải thu	<u>3.300.000.000</u>	<u>3.000.000.000</u>
<i>Công ty Cổ phần Solavina</i>		
Phải trả người bán	250.000.000	250.000.000
Cộng nợ phải trả	<u>250.000.000</u>	<u>250.000.000</u>

02. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận thứ yếu theo lĩnh vực kinh doanh.

Trong năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty không phát sinh doanh thu nên không có báo cáo bộ phận.

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

Đơn vị tính: VND

03. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

	Giá trị sổ sách			Giá trị hợp lý		
	Số cuối năm	Dự phòng	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số đầu năm
Tài sản tài chính						
Tiền và các khoản tương đương tiền	6.638.469	-	91.078.964	6.638.469	91.078.964	
Phải thu khách hàng và phải thu khác	9.617.693.600	(2.440.965.719)	11.950.185.787	7.176.727.881	11.776.524.012	
Đầu tư tài chính ngắn hạn	307.032	-	307.032	307.032	307.032	
Đầu tư tài chính dài hạn	5.500.000.000	-	3.000.000.000	5.500.000.000	3.000.000.000	
Cộng	15.124.639.101	(2.440.965.719)	15.041.571.783	12.683.673.382	14.867.910.008	

	Giá trị sổ sách		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Nợ phải trả tài chính				
Phải trả cho người bán	523.057.327	543.057.327	543.057.327	543.057.327
Vay và nợ	1.331.365.493	1.381.365.493	1.331.365.493	1.381.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	1.145.482.322	138.025.655	1.145.482.322
Cộng	1.992.448.475	3.069.905.142	1.992.448.475	3.069.905.142

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)**04. Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty.

Công ty có các rủi ro tín dụng từ các hoạt động kinh doanh (chủ yếu đối với các khoản phải thu khách hàng) và hoạt động tài chính (tiền gửi ngân hàng, cho vay và các công cụ tài chính khác).

Phải thu khách hàng

Công ty giảm thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chỉ giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt và nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi. Trên cơ sở này và khoản phải thu của Công ty liên quan đến nhiều khách hàng khác nhau nên rủi ro tín dụng không tập trung vào một khách hàng nhất định.

Tiền gửi ngân hàng

Phần lớn tiền gửi ngân hàng của Công ty được gửi tại các ngân hàng lớn, có uy tín ở Việt Nam. Công ty nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Các khoản cho vay

Công ty cho các cá nhân vay tiền. Công ty đánh giá các khoản cho vay này đều trong hạn và không bị suy giảm vì liên quan đến các đơn vị có uy tín và có khả năng thanh toán tốt.

05. Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm cao nhất trong quản lý rủi ro thanh khoản. Rủi ro thanh khoản của Công ty chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty quản lý rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền và các khoản tương đương tiền phù hợp và các khoản vay ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng nhu cầu hoạt động của Công ty nhằm giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng chưa được chiết khấu như sau:

	<i>Đơn vị tính: VND</i>			
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối năm				
Phải trả cho người bán	523.057.327	-	-	523.057.327
Vay và nợ	1.331.365.493	-	-	1.331.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	138.025.655	-	-	138.025.655
Cộng	1.992.448.475	-	-	1.992.448.475
Số đầu năm				
Phải trả cho người bán	543.057.327	-	-	543.057.327
Vay và nợ	1.381.365.493	-	-	1.381.365.493
Chi phí phải trả	-	-	-	-
Các khoản phải trả khác	1.145.482.322	-	-	1.145.482.322
Cộng	3.069.905.142	-	-	3.069.905.142

CÔNG TY CỔ PHẦN VINAM

Số 10, ngõ 183 Hoàng Văn Thái, phường Khương Trung, quận Thanh Xuân, thành phố Hà Nội

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính (tiếp theo)

06. Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá khác.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Công ty không có rủi ro ngoại tệ do việc mua và bán hàng hóa, dịch vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ kế toán là VND.

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Công ty chủ yếu liên quan đến tiền, các khoản tiền gửi ngắn hạn, cho vay và các khoản vay.

Công ty không thực hiện phân tích độ nhạy đối với lãi suất vì rủi ro do thay đổi lãi suất tại ngày lập báo cáo là không đáng kể.

Rủi ro về giá khác

Rủi ro về giá khác là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường ngoài thay đổi của lãi suất và tỷ giá hối đoái.

07. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Giám đốc Công ty khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

08. Thông tin so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán Mỹ.

09. Thông tin về hoạt động liên tục

Trong năm tài chính, không có hoạt động hoặc sự kiện phát sinh nào có ảnh hưởng đáng kể đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Vì vậy, Báo cáo tài chính của Công ty được lập trên cơ sở giả định Công ty sẽ hoạt động liên tục.

Người lập biểu

Nguyễn Thị Linh

Kế toán trưởng

Nguyễn Văn Sáng

Hà Nội, ngày 27 tháng 03 năm 2014



Giám đốc

Phạm Thế Anh